**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ B**
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 06 /2021/QĐST- HNGĐ

*Bỉm Sơn, ngày 22 tháng 01 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Mai Thị N - sinh năm 1968

Địa chỉ: SN 19, đường Nguyễn Đức C, khu 4, phường B1, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa

2/ Ông Đỗ Ngọc Q - sinh năm 1967

Địa chỉ: SN 19, đường Nguyễn Đức C, khu 4, phường B1, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Mai Thị N và ông Đỗ Ngọc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga T, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/5/1992, sau đó đến ngày 02/5/2018 được UBND phường Ngọc T1, thị xã B cấp lại. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn quan hệ gì về tình cảm. Đến nay, bà N và ông Q đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Mai Thị N và ông Đỗ Ngọc Q.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung, là cháu Đỗ Như M, sinh ngày 26/3/1993 và Đỗ Hùng Đ, sinh ngày 30/12/2003

Hai bên thống nhất, hiện nay cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; sau khi ly hôn ông Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Bà N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Q.

Việc thỏa thuận về nuôi con chung của các bên là phù hợp nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa bà Mai Thị N và ông Đỗ Ngọc Q.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị N và ông Đỗ Ngọc Q

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Hùng Đ, sinh ngày 30/12/2003 cho ông Đỗ Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Bà N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Q

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự bà Mai Thị N và ông Đỗ Ngọc Q mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), hai bên thống nhất bà N chịu lệ phí của cả hai người phải nộp. Chuyển số tiền bà N đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2019/0007158 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B sang phần lệ phí của bà N và ông Q. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B
- UBND phường Ngọc T, TX B
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Ngọc L**